TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 46/2023/DS-ST Ngày: 20-6 - 2023 V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Ông Võ Thành Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc "tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đặng Minh H, sinh năm 1971; Địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Đông, huyện TH, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn S**, sinh năm 1955 và bà **Huỳnh Thị Nh**, sinh năm 1957; Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã Tân Đông, huyện TH, tỉnh Long An.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Đặng Minh H: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Đặng Minh H trình bày:

Tôi có tham gia hụi do ông S và bà Nh làm chủ, hụi trị giá 1.000.000 đồng/tháng, hụi gồm 22 thành viên. Hụi khui ngày đầu 20/3/2021 (âm lịch) đến nay tôi vẫn chưa hốt hụi. Tôi đã đóng được 20 kỳ với tổng số tiền 40.000.000 đồng Sau đó ông S và bà Nh tuyên bố vỡ hụi và không trả tiền cho tôi. Tại biên

bản hòa giải ngày 26/12/2022 của Ấp 2, xã Tân Đông, huyện TH thì sau khi đối chiếu lại tiền hụi thì ông S và bà Nh còn nợ tiền hụi tôi là 36.000.000đ. Nay tôi khởi kiện yêu cầu ông S và bà Nh có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền nợ hụi là 36.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị Nh trình bày: Vào ngày 20/3/2021 vợ chồng chúng tôi có tổ chức chơi hụi do chồng là ông Trần Văn S làm chủ hụi, hụi 1.000.000đ/ tháng gồm 22 hụi viên. Ông H tham gia 02 phần. Ngày 26/12/2022 thì vợ chồng chúng tôi tuyên bố vỡ hụi và có thừa nhận tại buổi hòa giải của Ấp 2 xã Tân Đông, huyện TH, tỉnh Long An là còn nợ ông H là 36.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay vợ chồng chúng tôi vẫn thừa nhận còn nợ ông H 36.000.000đ và xin trả số tiền trên sau 7 tháng vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Nguyên đơn ông H không đồng ý với thời gian trả nợ mà phía ông S và bà Nh đưa ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là "hợp đồng góp hụi" được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Thạnh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông H khởi kiện và cung cấp chứng cứ là biên bản hòa giải "v/v chủ hụi vỡ nợ" ngày 26/12/2022 thể hiện ông H có tham gia hụi cho vợ chồng ông Song và bà Nh làm chủ hụi, hụi bị vỡ và bà Nh thừa nhận còn nợ ông H 36.000.000đ tiền hụi . Bà Nh hứa khi nào bán được đất sẽ trả nợ cho ông H nhưng bà Nh và ông S không trả nợ nên ông H khởi kiện yêu cầu ông S và bà Nh liên đới trả số tiền nợ hụi là 36.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Xét thấy, từ khi Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của ông H đến phiên tòa hôm nay, bà Nh và ông S thừa nhận còn hụi ông H là 36.000.000đ. Nên căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, yêu cầu khởi kiện của ông H đối với ông S và bà Nh về số tiền nợ hụi 36.000.000đ là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về tiền lãi: Do nguyên đơn ông H không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về thời gian trả và cách thức trả: Vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[6] Về án phí: Đặng Minh H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị Nh phải liên đới chịu số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Ông Trần Văn S, sinh năm 1955 và bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1957 đều trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 26, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Đặng Minh H đối với ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị Nh.

Buộc ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho Đặng Minh H số tiền nợ hụi là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí:

Ông Trần Văn S và bà Huỳnh Thị Nh phải liên đới chịu số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung vào

ngân sách Nhà nước. Nhưng ong Trần Văn S, sinh năm 1955 và bà Huỳnh Thị Nh, sinh năm 1957 đều trên 60 tuổi, có đơn xin miễn án phí nên là đối tượng được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đặng Minh H không phải chịu án phí, hoàn trả cho ông H số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) tạm ứng án phí mà ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008993 ngày 20 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TH.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Thạnh Hóa;
- CC THADS huyện Thạnh Hóa;
- Lưu hồ sơ; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Hương